

**ĐỀ CƯƠNG THÔNG BÁO NHANH**  
**KẾT QUẢ HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM**  
**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII**

*(Nội dung đồng chí Bí thư Thành ủy trình bày tại Hội nghị chiều ngày 16/5/2022)*

-----

*Kính thưa các đồng chí!*

Sau 6 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra. Sau đây, tôi sẽ thông báo nhanh những nội dung trọng tâm về kết quả Hội nghị để các đồng chí nghiên cứu, nắm bắt thông tin phục vụ công tác quán triệt triển khai và lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, địa phương, đơn vị trong thời gian đến; cụ thể như sau:

Thực hiện Chương trình làm việc toàn khoá, từ ngày 04/5 đến ngày 10/5/2022 tại Thủ đô Hà Nội, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã họp bàn về các nội dung sau: (1) Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khoá XI về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới. (2) Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. (3) Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể. (4) Về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. (5) Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2021. (6) Đề án thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (7) Báo cáo những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị Trung ương 4 đến Hội nghị Trung ương 5 và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị Trung ương 5 đến Hội nghị Trung ương 6 khoá XIII. (8) Báo cáo kết quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng năm 2021; phương hướng, nhiệm vụ năm 2022. (9) Nghe báo cáo chuyên đề về: "Xung đột Nga - U-crai-na: Tác động quốc tế và những vấn đề đặt ra".

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các đồng chí Ủy viên chính thức, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, có một số đồng chí vắng mặt do bị bệnh, cách ly điều trị COVID-19 hoặc đi công tác nước ngoài theo phân công của Bộ Chính trị. Đại biểu mời dự Hội nghị gồm các đồng chí: Bí thư Tỉnh uỷ Đắk Nông, Chính uỷ Quân khu 2, Chính uỷ Bộ Tư lệnh Thủ đô, Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Sau 6 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã hoàn thành nội dung chương trình đề ra. Ban Chấp hành Trung ương đã có đổi mới, không trình bày các nội dung tờ trình mà gửi tài liệu để các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương nghiên

cứu, dành nhiều thời gian để thảo luận tại Tổ và Hội trường. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các đồng chí tham dự Hội nghị đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phát huy dân chủ, trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng vào các báo cáo. Bộ Chính trị đã họp, thảo luận để tiếp thu ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong đó có một số ý kiến của Đà Nẵng phát biểu tại Tổ và Hội trường đã được Bộ Chính trị ghi nhận, và Bộ Chính trị đã giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao thông qua những nội dung cơ bản các văn kiện của Hội nghị Trung ương, gồm:

## **I. TỔNG KẾT 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 KHOÁ XI VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ ĐẤT ĐAI TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI**

1. Sau gần 10 năm thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, chính sách, pháp luật về đất đai đã có nhiều đổi mới, từng bước tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý và sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn; tạo ra những động lực mạnh mẽ cho phát triển đô thị, tăng đáng kể nguồn thu cho ngân sách, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là công cụ quan trọng để Nhà nước thống nhất quản lý, phân bổ và sử dụng đất đai. Chính sách giao đất, cho thuê đất từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất được bảo đảm và phát huy, nhất là trong sử dụng đất nông nghiệp. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai có nhiều chuyển biến tích cực.

Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều hạn chế: Một số nội dung của Nghị quyết chưa được thể chế hoá hoặc thể chế hoá chưa đầy đủ; Luật Đất đai và một số luật có liên quan còn có sự chòng chéo, chưa thống nhất. Kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có sử dụng đất chưa bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ. Công tác giao đất, cho thuê đất ở một số nơi còn nhiều bất cập, sai phạm. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ở một số địa phương còn chậm, chưa đúng Nghị quyết và với các quy định pháp luật. Cải cách hành chính về đất đai còn chậm và chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước về đất đai chưa đồng bộ, thiếu thống nhất chưa đáp ứng được yêu cầu. Tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật về đất đai còn diễn biến phức tạp, đơn, thư tố cáo về đất đai có xu hướng tăng; nhiều vụ việc chậm được xử lý, giải quyết, gây bức xúc xã hội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định, những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, trong đó nhận thức về chính sách, pháp luật về đất đai có nơi, có lúc chưa

đúng, chưa đầy đủ. Ý thức chấp hành pháp luật về đất đai của một bộ phận cán bộ và người dân còn hạn chế. Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai còn chậm, chưa đầy đủ, chưa nghiêm, còn có sai phạm. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai chưa kịp thời, dứt điểm và chưa đúng pháp luật.

**2. Một số quan điểm chính:** (1) Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu thông qua việc quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng và quy định thời hạn sử dụng đất; quyết định giá đất; quyết định chính sách điều tiết phân giá trị tăng thêm từ đất không phải do người sử dụng đất tạo ra. Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quốc phòng, an ninh, phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và các dự án phát triển kinh tế - xã hội theo luật định, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và có trách nhiệm giải trình; (2) Quyền sử dụng đất là một loại tài sản và hàng hoá đặc biệt nhưng không phải là quyền sở hữu; quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được pháp luật bảo hộ. Người sử dụng đất có quyền và nghĩa vụ sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai. (3) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn dân trong xây dựng, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai.

**3. Về mục tiêu:** Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 là: (1) Ưu tiên thời gian, nguồn lực để sớm hoàn thành sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 vào năm 2023 và một số luật liên quan để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất. (2) Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông. (3) Hoàn thành việc kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về đất đai theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất; có sự phân cấp phù hợp, hiệu quả kèm theo cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. (4) Giải quyết cơ bản những tồn tại, vướng mắc có liên quan đến quản lý và sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất và xây dựng kinh tế; đất của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp tập trung đông người đã di dời ra khỏi trung tâm các đô thị lớn; đất tôn giáo; đất kết hợp sử dụng nhiều mục đích; đất sản xuất, đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Mục tiêu đến năm 2030: (1) Hệ thống pháp luật về đất đai được hoàn thiện đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. (2) Khắc phục cơ bản tình trạng sử dụng đất lãng phí, để đất hoang hoá, ô nhiễm, suy thoái.

**4. Nhiệm vụ giải pháp:** Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể sau:

- Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức về quản lý và sử dụng đất trong

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thống nhất nhận thức về đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, nhất là về quyền và nghĩa vụ của Nhà nước với tư cách là đại diện chủ sở hữu theo quy định của Hiến pháp và pháp luật

- Hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý và sử dụng đất đồng bộ với thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó tập trung: (1) *Đổi mới và nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.* (2) *Hoàn thiện các quy định về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.* (3) *Hoàn thiện các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.* (4) *Hoàn thiện cơ chế xác định giá đất.* (5) *Hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính về đất đai* (6) *Hoàn thiện các quy định pháp luật có liên quan đến thị trường bất động sản, trong đó có thị trường quyền sử dụng đất;* (7) *Hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất nông nghiệp.* (8) *Xây dựng các quy định pháp luật đối với quản lý và sử dụng đất kết hợp đa mục đích.*

- **Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai.**

- **Đổi mới, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo liên quan đến đất đai; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, phòng, chống tham nhũng; nhất là tiến hành kiểm tra, thanh tra trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của các ngành, các cấp, thực hiện phương châm giải quyết các tranh chấp từ cơ sở, tránh vượt cấp lên Trung ương.**

- **Tập trung giải quyết về cơ bản các tồn tại, vướng mắc kéo dài liên quan đến quản lý và sử dụng đất, nhất là những tồn tại, vướng mắc về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh; đất của các cơ sở sản xuất, đơn vị sự nghiệp tập trung đông người đã di dời ra khỏi trung tâm các đô thị lớn; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.**

- **Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quản lý và sử dụng đất. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về đất đai và phải chịu trách nhiệm nếu để các tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi mình quản lý vi phạm pháp luật để trục lợi, gây thất thoát, sử dụng lãng phí đất đai.**

## **II. TỔNG KẾT 15 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 7 KHOÁ X VỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG DÂN, NÔNG THÔN**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận và thống nhất ban hành Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với những nội dung cơ bản sau:

### **1. Tình hình và nguyên nhân**

Sau gần 15 năm thực hiện Nghị quyết, với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự chung sức, đồng lòng của toàn dân, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện, nhất là trong việc cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và cải thiện đời sống của nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố, nâng cao. Nông nghiệp tiếp tục phát triển cả về quy mô và trình độ sản xuất, duy trì tăng trưởng ở mức khá cao và tiếp tục khẳng định vị thế quan trọng, là trụ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia. Việt Nam trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Nông dân đã phát huy tốt hơn vai trò chủ thể, tích cực trong chuyển đổi cơ cấu sản xuất, ứng dụng khoa học - công nghệ, tham gia hợp tác, liên kết, khôi phục và phát triển ngành nghề nông thôn, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Thu nhập của nông dân ngày càng tăng, đời sống vật chất và tinh thần không ngừng được cải thiện. Nông thôn có sự thay đổi rõ rệt; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trở thành phong trào sâu rộng, có sức lan toả mạnh mẽ.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, nông nghiệp phát triển còn thiếu bền vững, tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm, tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn dựa vào nông hộ nhỏ, thiếu liên kết trong sản xuất kinh doanh, kinh tế tập thể, hợp tác xã chậm phát triển. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực chưa trở thành động lực chính. Đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn chưa đạt yêu cầu. Thu nhập của phần lớn nông dân còn thấp, chênh lệch với thành thị và giữa các vùng, miền còn lớn; tỉ lệ hộ nghèo ở nông thôn còn cao. Xây dựng nông thôn mới chưa đồng đều.

**2. Quan điểm:** Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất 05 quan điểm lớn:

**2.1.** Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Phát triển hài hoà giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền; gắn kết chặt chẽ giữa công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”.

**2.2.** Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển. Nâng cao trình độ, năng lực làm chủ của nông dân theo hướng phát triển toàn diện, văn minh, có tinh thần yêu nước, đoàn kết, tự chủ, sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải

hướng tới nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn, lấy lợi ích của người dân là mục tiêu cao nhất.

**2.3.** Nông nghiệp là lợi thế quốc gia, là trụ đỡ của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm, tích hợp đa giá trị theo hướng sinh thái, khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Phát huy lợi thế vùng, miền, tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

**2.4.** Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với đô thị; đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần chú trọng phát triển đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho nông dân và người dân nông thôn. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững các hệ sinh thái. Chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**2.5.** Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống nông dân và người dân nông thôn là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện và vận động hội viên, người dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

### **3. Mục tiêu**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định các mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó:

**3.1.** Mục tiêu tổng quát đến năm 2030: Nông dân và người dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển hiện đại, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Nông thôn phát triển toàn diện, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống tốt đẹp; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

**3.2.** Tầm nhìn đến năm 2045: Nông dân và người dân nông thôn văn minh phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, thông minh, sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, giá trị gia tăng cao, công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, quy mô xuất khẩu nông sản đứng hàng đầu thế giới. Nông thôn hiện đại, điều kiện sống tiệm cận với đô thị, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

#### 4. Nhiệm vụ, giải pháp

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

4.1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và người dân nông thôn.

4.2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng.

4.3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

4.4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá.

4.5. Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4.6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số; đào tạo nguồn nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn.

4.7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.

4.8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và khoa học - công nghệ.

4.9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp ở nông thôn.

### III. TỔNG KẾT 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 5 KHOÁ IX VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ TẬP THỂ

Ban Chấp hành Trung ương Đảng xem xét, thảo luận về Tờ trình và Đề án của Bộ Chính trị; thống nhất ban hành *Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới*, với nội dung cơ bản sau:

#### 1. Tình hình và nguyên nhân

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất đánh giá: Sau 20 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá IX có những chuyển biến tích cực. Hợp tác xã cơ bản chuyển đổi theo quy định. Số lượng liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã thành lập mới tăng; phát triển đa dạng hơn về ngành nghề, quy mô và trình độ, hỗ trợ tốt hơn cho kinh tế thành viên, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động. Tổ hợp tác với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, nội dung hoạt động đơn giản nhưng thiết thực, đáp ứng được nhu cầu liên kết linh hoạt và mang tính ngắn hạn của người dân. Liên kết giữa các hợp tác xã với nhau và với các tổ chức kinh tế khác bước đầu có sự phát triển. Khu vực kinh tế tập thể cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài, từng bước khẳng định vị trí, vai trò nền tảng trong nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, khu vực kinh tế tập thể vẫn chưa phát triển như yêu cầu đặt ra; đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả còn khó khăn. Tốc độ tăng trưởng, tỉ trọng đóng góp vào GDP của khu vực kinh tế tập thể còn thấp và có xu hướng giảm dần. Hợp tác xã phát triển không đồng đều. Số lượng hợp tác xã tuy tăng, nhưng số lượng thành viên trong hợp tác xã có xu hướng giảm; việc tham gia vào hoạt động của hợp tác xã còn hình thức; năng lực nội tại, hiệu quả hoạt động chưa cao, mô hình tổ chức còn lỏng lẻo, chưa phù hợp. Phần có quy mô nhỏ, vốn ít, phạm vi hoạt động hẹp, lợi ích mang lại cho thành viên thấp.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên là do nhận thức về bản chất, vị trí, vai trò của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã chưa đầy đủ, thiếu thống nhất. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của nhiều cấp uỷ, chính quyền còn hình thức, chưa thực sự quan tâm, thậm chí còn hoài nghi về sự thành công của kinh tế tập thể. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế tập thể dàn trải, phân tán, chủ yếu là lồng ghép, chưa thống nhất, thiếu nguồn lực để tổ chức thực hiện. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể còn nhiều bất cập, không thống nhất, phân tán, chưa hiệu quả. Công tác quản lý nhà nước ở một số nơi còn buông lỏng hoặc can thiệp quá sâu, không đúng đối với tổ chức, hoạt động của hợp tác xã. Đội ngũ cán bộ về hợp tác xã còn yếu, chưa được đào tạo chuyên sâu về kinh tế tập thể.

## **2. Quan điểm chỉ đạo và mục tiêu**

### **2.1. Quan điểm chỉ đạo**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định:

- Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển, là thành phần kinh tế quan trọng cùng kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tập thể là xu thế tất yếu khách quan trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phải xuất phát từ nhu cầu của thành viên, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện cho thành viên tăng năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Phát triển kinh tế tập thể phải tôn trọng giá trị, nguyên tắc hoạt động của hợp tác xã, phù hợp với điều kiện, đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng vùng và của cả nước.

- Kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Tăng cường liên kết giữa các hợp tác xã, hình thành các liên hiệp, liên đoàn hợp tác xã. Kinh tế tập thể lấy lợi ích kinh tế là chính, đồng thời coi trọng lợi ích xã hội trên địa bàn.

- Kinh tế tập thể dựa trên sở hữu riêng của thành viên và sở hữu chung của tổ chức; tổ chức hoạt động theo nguyên tắc đối nhân không phụ thuộc vốn góp; phân phối theo mức độ tham gia dịch vụ, theo lao động và theo vốn góp.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế tập thể cả về số lượng và chất lượng, trong đó chú trọng về chất lượng, bảo đảm sự hài hoà

trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa bàn. Đánh giá hiệu quả kinh tế tập thể phải toàn diện cả kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, cả hiệu quả của tổ chức và của các thành viên.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị. Cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Liên minh hợp tác xã và các tổ chức đại diện phối hợp tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia kinh tế tập thể.

**2.2. Mục tiêu tổng quát:** Phát triển kinh tế tập thể năng động, hiệu quả, bền vững thực sự là nền tảng của nền kinh tế với nhiều mô hình liên kết, hợp tác trên cơ sở tôn trọng bản chất, các giá trị và nguyên tắc của kinh tế tập thể, thu hút ngày càng nhiều nông dân, hộ gia đình, cá nhân và nhiều tổ chức tham gia; không ngừng nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống thành viên, hộ gia đình, góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững đất nước.

### 2.3. Mục tiêu cụ thể

*Mục tiêu cụ thể đến năm 2030* cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, với 2 triệu thành viên; 45.000 hợp tác xã với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp hợp tác xã với 1.700 hợp tác xã thành viên; xây dựng thí điểm một số liên đoàn hợp tác xã. Bảo đảm trên 80% tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả, trong đó có ít nhất 50% tham gia liên kết theo chuỗi giá trị. Có trên 5.000 hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tham gia vào các chuỗi cung ứng sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu trực tiếp ra nước ngoài.

*Tầm nhìn đến năm 2045:* Thu hút tối thiểu 20% dân số tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác. Các hợp tác xã đều áp dụng công nghệ vào hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; bảo đảm trên 90% tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động hiệu quả, trong đó ít nhất 75% tham gia các chuỗi liên kết. Đẩy mạnh phát triển mô hình liên đoàn hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp trực thuộc các tổ chức kinh tế hợp tác. Có ít nhất 3 tổ chức kinh tế hợp tác nằm trong bảng xếp hạng 300 hợp tác xã lớn nhất toàn cầu do Liên minh Hợp tác xã quốc tế (ICA) công nhận.

## 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

**3.1.** Nhận thức rõ phát triển kinh tế tập thể là yêu cầu và xu thế tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Phát triển kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân, là phương thức khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường. Phát triển kinh tế tập thể ở nước ta không chỉ nhằm mục tiêu kinh tế, mà còn mục tiêu xã hội, văn hoá, quốc phòng, an ninh.

**3.2.** Bổ sung, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, các tổ chức kinh tế hợp tác. Theo hướng, hoàn thiện quy định về các loại hình tổ chức kinh tế hợp tác, tổ chức đại diện; quy định về bản

chất hợp tác xã, phát triển thành viên; quy định về nâng cao khả năng huy động vốn, tăng tích lũy vốn và tài sản chung; quy định về phát triển doanh nghiệp trong hợp tác xã; bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý về kiểm toán, các quy định nhằm nâng cao tính minh bạch trong quản lý, điều hành; các quy định nâng cao hiệu quả, chất lượng chính sách hỗ trợ của Nhà nước, quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể; có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng công nghệ, tiếp cận kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể phát triển, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đồng thời, ban hành một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho kinh tế hợp tác đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính bình đẳng trong phát triển với các loại hình kinh tế khác, trong đó tập trung: (1) Chính sách phát triển nguồn nhân lực. (2) Chính sách đất đai. (3) Chính sách tài chính. (4) Chính sách tín dụng. (5) Chính sách khoa học - công nghệ. (6) Chính sách hỗ trợ về thông tin kinh tế, kỹ năng tiếp thị và nghiên cứu thị trường. (7) Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng. (8) Chính sách bảo hiểm xã hội.

**3.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế hợp tác.** Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng của kinh tế tập thể; các quan hệ về tài sản của hợp tác xã. Khuyến khích việc tăng vốn góp và vốn huy động từ thành viên, tăng vốn đầu tư phát triển, tăng tài sản và quỹ không chia của tổ chức kinh tế hợp tác; thực hiện hoạt động tín dụng nội bộ, thành lập doanh nghiệp tại những tổ chức kinh tế hợp tác có đủ điều kiện; nghiên cứu uỷ thác một số dịch vụ công cho các tổ chức kinh tế hợp tác; khuyến khích liên kết kinh tế giữa các tổ chức kinh tế hợp tác hoạt động trong cùng ngành, lĩnh vực, từng bước hình thành các liên đoàn hợp tác xã hoạt động chuyên môn hoá cao trong một ngành, lĩnh vực cụ thể. Tăng cường mối liên kết giữa tổ chức kinh tế hợp tác với các thành phần kinh tế khác trong đó đặc biệt là liên kết với kinh tế nhà nước.

**3.4. Tăng cường quản lý nhà nước đối với kinh tế tập thể trong phạm vi cả nước** trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thống nhất quản lý nhà nước về kinh tế tập thể. Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tập trung, thống nhất, xuyên suốt trong chỉ đạo điều hành từ Trung ương đến địa phương để huy động các nguồn lực và triển khai trực tiếp các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với kinh tế tập thể. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được đào tạo chính quy về kinh tế tập thể, có tư tưởng chính trị vững vàng. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm giải trình, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế.

**3.5. Đổi mới nội dung, phương thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng,** phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế tập thể.

#### IV. VỀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, thảo luận về Tờ trình và Đề án của Bộ Chính trị; thống nhất ban hành Nghị quyết về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, với những nội dung cơ bản sau:

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất khẳng định: Những năm qua, công tác xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên luôn được Trung ương và các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ. Tổ chức cơ sở đảng từng bước được củng cố, kiện toàn, sắp xếp phù hợp. Chất lượng đội ngũ đảng viên có chuyển biến tích cực, trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị được nâng cao hơn; tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, quản lý, rà soát, sàng lọc, đánh giá, xếp loại chất lượng, kiểm tra, giám sát đảng viên thực hiện nhiệm vụ, xử lý đảng viên vi phạm, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” được đẩy mạnh. Công tác phát triển đảng viên được chú trọng, có cơ cấu độ tuổi tương đối phù hợp, số lượng đảng viên nữ, trẻ, đồng bào dân tộc thiểu số, người có tôn giáo, chủ doanh nghiệp tư nhân tăng, tạo nguồn cán bộ cho Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất cho rằng, bên cạnh những kết quả đạt được, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của không ít tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế, ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở. Một số tổ chức cơ sở đảng chậm đổi mới phương thức lãnh đạo; thực hiện chưa nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chất lượng sinh hoạt đảng, tinh thần tự phê bình và phê bình hạn chế; chưa giải quyết hiệu quả những khó khăn, bức xúc của nhân dân; chưa phân công thường xuyên và kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Một số cấp ủy cơ sở chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu gương mẫu; chưa chủ động, kịp thời kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; mất sức chiến đấu, để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật, làm giảm niềm tin, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Chất lượng của tổ chức cơ sở đảng chưa theo kịp yêu cầu của quá trình phát triển. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong khu vực ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân còn hạn chế, tỉ lệ tổ chức đảng, đảng viên thấp, vai trò mờ nhạt, còn lúng túng về nội dung và phương thức hoạt động. Một số tổ chức cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, ở ngoài nước... hoạt động còn khó khăn. Năng lực, trình độ của một bộ phận đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một bộ phận đảng viên phai nhạt lý tưởng, thiếu bản lĩnh chính trị, đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu; tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu giảm sút; chưa gương mẫu, chạy theo lối sống thực dụng; suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, vi phạm nguyên tắc, kỷ luật đảng, vi phạm pháp luật. Công tác giáo

dục chính trị, tư tưởng, quản lý, kiểm tra, giám sát đảng viên của một số tổ chức cơ sở đảng còn buông lỏng, chưa nắm chắc tình hình tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của đảng viên; công tác đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ở một số nơi còn hình thức, chạy theo thành tích, một số tổ chức cơ sở đảng chưa làm tốt công tác quản lý đảng viên; việc xét, miễn công tác và sinh hoạt đảng còn lỏng lẻo; chưa thường xuyên, kiên quyết rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Công tác phát triển đảng viên ở một số nơi còn chạy theo số lượng; chưa quan tâm công tác giáo dục lý tưởng cách mạng và rèn luyện, thử thách đối với quần chúng phấn đấu vào Đảng; nhận thức, động cơ phấn đấu vào Đảng, chất lượng của một số đảng viên mới còn hạn chế; cơ cấu đảng viên chưa hợp lý, tỉ lệ đảng viên trẻ chưa tương xứng với tiềm năng.

Ban Chấp hành Trung ương khẳng định, những hạn chế, khuyết điểm nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu: Nhận thức của một số cấp ủy, một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý về vai trò, vị trí, yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên chưa sâu sắc, toàn diện; một số cấp ủy năng lực lãnh đạo, chỉ đạo hiệu quả chưa cao. Một số quy định, hướng dẫn về tổ chức cơ sở đảng, đảng viên chậm được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. Một số nơi chưa chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; chưa quan tâm rèn luyện bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức cho cán bộ, đảng viên; một bộ phận thanh niên giảm sút niềm tin, phai nhạt lý tưởng, sống thực dụng, xa rời truyền thống tốt đẹp của dân tộc, không muốn phấn đấu vào Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất cần tập trung quán triệt, thống nhất nhận thức và triển khai thực hiện tốt những vấn đề sau:

### **1. Quan điểm**

- Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, là cầu nối giữa Đảng với nhân dân, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở cơ sở, có vị trí quan trọng trong hệ thống tổ chức của Đảng. Đội ngũ đảng viên có vai trò trực tiếp và là nhân tố cơ bản quyết định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, liên tục, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, đảng viên, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, thực hiện thành công sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng phải gắn với xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

- Tạo môi trường để đảng viên rèn luyện, phấn đấu, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần tiên phong, gương mẫu, thực hiện nghiêm các nguyên tắc về sinh hoạt đảng và lời thề của đảng viên khi vào Đảng; tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân. Coi trọng chất lượng phát triển đảng viên, quan tâm phát triển đảng viên trong đoàn viên, hội viên ưu tú, quần chúng tiêu biểu. Thường xuyên rà soát, sàng lọc, đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng của đội ngũ đảng viên, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh. Xây dựng đội ngũ cấp ủy viên, nhất là bí thư cấp ủy đủ năng lực, uy tín lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị. Nâng cao chất lượng phát triển đảng viên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

*Đến năm 2025:* (1) Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (2) Phấn đấu 100% thôn, bản có đảng viên. (3) Giai đoạn 2020 - 2025, phấn đấu tỉ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3% - 4% tổng số đảng viên.

*Đến năm 2030:* (1) Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. (2) Phấn đấu 100% thôn, bản, tổ dân phố có chi bộ. (3) Giai đoạn 2025 - 2030, phấn đấu tỉ lệ kết nạp đảng viên mới đạt từ 3% - 4% tổng số đảng viên.

## **3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: 04 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:**

### **3.1. Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng (gồm 04 giải pháp chính)**

#### **(1) Đổi mới, hoàn thiện tổ chức của các loại hình tổ chức cơ sở đảng**

- Củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và thực hiện chủ trương của Đảng về công tác cán bộ. Nghiên cứu triển khai mô hình “*chi bộ bốn tốt*”, “*đảng bộ cơ sở bốn tốt*”, cụ thể: Lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị; chất lượng sinh hoạt tốt; đoàn kết, kỷ luật tốt; cán bộ, đảng viên tốt.

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mô hình tổ chức cơ sở đảng trực thuộc đảng ủy xã, phường, thị trấn. Đối với thôn, tổ dân phố có đông đảng viên thành lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở và tổ chức thí điểm sinh hoạt tổ đảng, sinh hoạt chi bộ phù hợp với số lượng đảng viên. Tiếp tục duy trì, củng cố, xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của các chi bộ quân sự, công an xã, phường, thị trấn.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển tổ chức cơ sở đảng trong khu vực ngoài nhà nước. Giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở có quy mô lớn, quan trọng, có số lượng đảng viên đông; nghiên cứu mô hình tổ chức cơ sở đảng ngoài nước phù hợp đối với những địa bàn có vị trí quan trọng, số lượng đảng viên đông, hoạt động trên phạm vi rộng, có tổng lãnh sự quán.

- Cùng cố, phát triển tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hoá. Đối với doanh nghiệp tư nhân, chỉ thành lập tổ chức đảng khi đã phát triển được đủ số lượng đảng viên, bảo đảm chất lượng, phát huy được vai trò lãnh đạo, định hướng hoạt động.

- Thành lập đảng bộ cơ sở tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp; phát triển tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để lãnh đạo công tác đảng, công tác quần chúng, phân công cấp ủy cấp trên trực tiếp phụ trách. Thực hiện giao một số quyền cấp trên cơ sở cho đảng ủy cơ sở đối với những nơi có đảng bộ cơ sở trong đảng bộ cơ sở. Đối với những đảng ủy cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở có đủ điều kiện thì nâng cấp thành cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng (tương đương cấp huyện).

- Tổng kết mô hình tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế trang trại..., tạo điều kiện cho đảng viên làm việc trong loại hình này có nơi sinh hoạt đảng ổn định.

**(2) Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng**

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở và một số tổ chức cơ sở đảng trong Quân đội, Công an.

- Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa tổ chức cơ sở đảng trong các tập đoàn, tổng công ty với cấp ủy địa phương. Nghiên cứu xây dựng quy chế phối hợp giữa cấp ủy với chủ doanh nghiệp tư nhân. Ban hành quy chế làm việc mẫu của cấp ủy cơ sở.

**(3) Đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ**

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương, đoàn kết trong Đảng. Nâng cao chất lượng cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết của cấp trên. Cấp ủy cấp trên trực tiếp phải nắm chắc tình hình, phân công cấp ủy viên phụ trách, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở đảng. Lấy hiệu quả hoạt động của tổ chức cơ sở đảng là một trong những căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy cấp trên trực tiếp và cấp ủy viên được phân công phụ trách.

- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, khắc phục tình trạng hình thức, chạy theo thành tích trong công tác đánh giá, xếp loại hằng năm. Tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia góp ý, giám sát hoạt động của chi bộ, cấp ủy, bí thư cấp ủy cơ sở và đảng viên. Cấp ủy, bí thư cấp ủy phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá, thông báo công khai theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Nội dung sinh hoạt chi bộ phải gắn với đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, XII, Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khoá XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; kịp thời phát hiện, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ngay từ cơ sở.

- Thực hiện nghiêm chế độ sinh hoạt chi bộ; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đoàn kết nội bộ. Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng; phát hiện, biểu dương, khen thưởng, nhân rộng những tấm gương đảng viên tiêu biểu; phê bình, xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm. Tăng cường công tác hướng dẫn của cấp ủy cấp trên.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên đề, hướng vào những vấn đề mới, cần quan tâm. Có giải pháp sinh hoạt đảng phù hợp đối với tổ chức đảng ở những địa bàn có nhiều đảng viên từ nơi khác đến, có nhiều khu công nghiệp, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tư nhân...; thí điểm sinh hoạt đảng trực tuyến ở một số đảng bộ, chi bộ đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt; tổ chức sinh hoạt đảng theo tổ đảng đối với một số nội dung phù hợp ở những chi bộ có đông đảng viên; nghiên cứu, triển khai thực hiện “Sổ tay đảng viên điện tử”, “Sổ biên bản điện tử” ở những nơi có đủ điều kiện.

#### ***(4) Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở***

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, kỹ năng, nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, kinh nghiệm thực tiễn, nhất là công tác dự báo, đánh giá tình hình, khả năng cụ thể hoá và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị nhằm nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị cho đội ngũ cấp ủy viên, bí thư cấp ủy cơ sở, bí thư, phó bí thư chi bộ.

- Các cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu phải nêu cao trách nhiệm đối với công tác xây dựng Đảng ở đảng bộ, chi bộ nơi mình sinh hoạt; gương mẫu tham gia sinh hoạt đảng và chịu trách nhiệm khi tổ chức đảng nơi mình đang sinh hoạt yếu kém, xảy ra tham nhũng, tiêu cực.

- Quan tâm xây dựng, tạo nguồn cán bộ cơ sở, lựa chọn bí thư chi bộ. Đối với chi bộ ở thôn, tổ dân phố, cần chú trọng lựa chọn đảng viên là cán bộ hưu trí,

cựu chiến binh, cựu quân nhân, người làm công tác xã hội có uy tín, năng lực để làm bí thư chi bộ.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đối với cán bộ chuyên trách làm công tác văn phòng cấp ủy cơ sở; chế độ phụ cấp cho cấp ủy viên ở những chi bộ có từ 100 đảng viên trở lên và chi bộ có tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ đặc thù còn gặp nhiều khó khăn; chế độ phụ cấp cho cán bộ đảng, đoàn thể, tổ chức đảng trực thuộc đảng ủy cơ sở trong các doanh nghiệp tư nhân; kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của tổ chức cơ sở đảng ở vùng dân tộc thiểu số, vùng tôn giáo, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; mức đóng đảng phí đối với đảng viên là công nhân trong doanh nghiệp, tỉ lệ trích đảng phí để lại chi bộ phù hợp với tình hình mới.

- Thực hiện thống nhất chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch Hội đồng nhân dân; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND ở những nơi có điều kiện; bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoặc trưởng ban công tác mặt trận.

### **3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên (gồm 03 giải pháp chính)**

#### ***(1) Đổi mới, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên***

- Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức, trình độ lý luận chính trị, tự giác nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ động nắm tình hình, diễn biến tư tưởng, kịp thời định hướng cho đảng viên trước những vấn đề phát sinh; tăng cường trách nhiệm của đảng viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các chuẩn mực đạo đức cách mạng phù hợp với điều kiện mới và truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc để làm cơ sở cho cán bộ, đảng viên tự giác tu dưỡng, rèn luyện. Đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao ý thức tu dưỡng, rèn luyện, “tự soi”, “tự sửa”, đề cao danh dự của người đảng viên. Phát huy vai trò của cơ quan thông tấn, báo chí trong công tác thông tin, tuyên truyền, giới thiệu những tấm gương đảng viên tiêu biểu.

#### ***(2) Tăng cường công tác quản lý đảng viên; kịp thời rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng***

- Cấp ủy cơ sở phải làm tốt công tác quản lý đảng viên; thường xuyên kiểm tra chi bộ, đảng viên thực hiện chế độ sinh hoạt đảng, công tác quản lý đảng viên của chi bộ; tăng cường công tác quản lý đảng viên ở ngoài nước.

- Cấp ủy, chi bộ phải phân công nhiệm vụ cụ thể, tạo điều kiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện của đảng viên. Mỗi đảng viên phải xây dựng kế hoạch phấn đấu, rèn luyện để chi ủy, chi bộ kiểm tra, giám sát, làm cơ sở để kiểm điểm, đánh giá, xếp loại cuối năm.

- Sửa đổi, bổ sung, quy định chặt chẽ việc sinh hoạt đảng đối với đảng viên nghỉ hưu; xem xét miễn công tác và sinh hoạt đảng đối với đảng viên tuổi cao,

sức khoẻ yếu không thể tham gia sinh hoạt đảng, khắc phục tình trạng tùy tiện, buông lỏng quản lý, xem xét không đúng quy định. Rà soát, bổ sung quy định về quản lý đảng viên đi học tập, làm ăn xa nơi cư trú; đảng viên nghỉ hưu về làm việc trong khu vực ngoài nhà nước, các hội quần chúng; đảng viên ở ngoài nước và đảng viên ra nước ngoài nhất là sinh viên, người lao động..., tạo điều kiện thuận lợi cho đảng viên là sinh viên, bộ đội xuất ngũ sinh hoạt đảng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đảng viên bảo đảm đồng bộ, liên thông trong toàn Đảng; hoàn thành cơ sở dữ liệu tổ chức cơ sở đảng, đảng viên.

- Tổ chức cơ sở đảng phải xác định được đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ; đảng viên không thực hiện đúng chế độ chuyển sinh hoạt hoặc đã chuyển sinh hoạt đảng nhưng không nộp hồ sơ cho tổ chức đảng có thẩm quyền; đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước; đảng viên thiếu gương mẫu, uy tín thấp. Khắc phục triệt để tình trạng dễ dãi, nể nang, né tránh trong công tác đánh giá, phân loại đảng viên và rà soát, sàng lọc, đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng. Nghiên cứu quy định phù hợp việc chuyển sinh hoạt đảng cho đảng viên là sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đảng viên đi làm ăn xa, khắc phục tình trạng đảng viên không nộp hồ sơ khi chuyển sinh hoạt đảng.

### **(3) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên**

- Các cấp ủy căn cứ tình hình thực tế để xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên của cả nhiệm kỳ và hằng năm. Tiếp tục tăng số lượng đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng phát triển đảng viên; theo phương châm “Ở đâu có dân thì ở đó có đảng viên”.

- Đối với các địa phương còn nhiều thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố, trường học, doanh nghiệp chưa có tổ chức đảng, chưa có đảng viên, cần tập trung củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác để tập hợp, tạo nguồn, xây dựng lực lượng nòng cốt cho Đảng. Cấp ủy cấp trên trực tiếp phân công cấp ủy viên phụ trách, cấp ủy cơ sở giao nhiệm vụ cụ thể cho các chi bộ trong việc phát hiện, bồi dưỡng, giúp đỡ quần chúng phấn đấu vào Đảng.

- Đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng và đảng viên mới, tập trung vào những vấn đề cơ bản về Đảng, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền của đảng viên, tính tiên phong, gương mẫu, nhất là xác định đúng dẫn động cơ vào Đảng.

### **3.3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng**

- Coi trọng tự kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng; kết hợp kiểm tra, giám sát thường xuyên với kiểm tra, giám sát theo chuyên đề. Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc thực hiện Điều lệ Đảng, chấp hành nguyên

tắc tập trung dân chủ, đoàn kết nội bộ, sinh hoạt chi bộ, thực hiện nhiệm vụ công tác, trách nhiệm nêu gương, quy định về những điều đảng viên không được làm...

- Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với tổ chức cơ sở đảng. Đồng thời, tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra cấp ủy cơ sở; xử lý kịp thời các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm.

#### **3.4. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên**

- Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát việc thực hiện quy định nêu gương, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của đảng viên ở nơi làm việc và nơi cư trú; đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, từ đó, phát hiện, lựa chọn nhân tố tích cực, người có uy tín trong cộng đồng dân cư để giới thiệu cho Đảng.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, vận động, tham gia xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của nhân dân làm tiêu chí quan trọng để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên.

### **V. BÁO CÁO KIỂM ĐIỂM SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ NĂM 2021**

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất đánh giá: Năm 2021, trong bối cảnh có rất nhiều khó khăn, thách thức, Bộ Chính trị, Ban Bí thư luôn luôn đoàn kết, thống nhất, bình tĩnh, kiên định, sáng suốt trước khó khăn, thử thách, có nhiều đổi mới và sáng tạo, bám sát quan điểm, chủ trương, đường lối, cụ thể hoá các nội dung quan trọng của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đã có các quyết sách đúng đắn, kịp thời và phù hợp với tình hình thực tiễn để lãnh đạo, chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân tổ chức triển khai thực hiện, đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện, có những dấu ấn nổi bật, được cán bộ, đảng viên và nhân dân ghi nhận, bạn bè thế giới đánh giá cao.

Ban Chấp hành Trung ương đồng tình, nhất trí cao với những bài học kinh nghiệm dẫn đến thành công của năm 2021, đó là: (1) Tập thể Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo chủ chốt là một tập thể đoàn kết, thống nhất, trên dưới đồng lòng, đã phát huy những bài học kinh nghiệm được rút ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quán triệt, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, có bước đi phù hợp; chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình; kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ

quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. **(2)** Trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã bám sát Quy chế làm việc, Chương trình làm việc toàn khoá và Chương trình làm việc năm 2021, bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành khoa học, phối hợp nhịp nhàng, thống nhất, không có tình trạng chông chéo hoặc “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược”. **(3)** Phương thức lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư có đổi mới, có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, rõ ràng, bảo đảm được sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trực tiếp, toàn diện.

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất với những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2022 là: **(1)** Tiếp tục tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Chuẩn bị nội dung trình các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong năm 2022. **(2)** Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; tháo gỡ khó khăn, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Quan tâm chú ý chỉ đạo thực hiện hiệu quả chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, không để xảy ra sai phạm. Tăng cường chỉ đạo chất lượng, hiệu quả việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; phát triển kinh tế số, xã hội số; đẩy mạnh xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo. Chú trọng giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao mức sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. **(3)** Cùng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, đánh giá đúng tình hình, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ trước mọi tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh xã hội, an ninh công nhân. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ, nhuần nhuyễn, phát huy sức mạnh tổng thể của 3 trụ cột đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân; gắn kết chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh, kinh tế và đối ngoại để xử lý hài hoà, khéo léo, cân bằng các mối quan hệ, phát huy vị trí chiến lược, tranh thủ những cơ hội để có biện pháp phù hợp nhằm giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế, đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu; chủ động, tích cực

hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. (4) Đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh, nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên và nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các cấp; củng cố lòng tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. (5) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong Đảng, Nhà nước, cải cách tư pháp, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thực hành tiết kiệm.

## **VI. ĐỀ ÁN THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO CẤP TỈNH VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét, thảo luận và thống nhất chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh và ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Chức năng:** Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương thành lập, chịu trách nhiệm trước ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương trong việc chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương.

**2. Nhiệm vụ:** (1) Tham mưu, đề xuất xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tại địa phương. (2) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương. (3) Chỉ đạo, đôn đốc, điều hoà phối hợp, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương. (4) Chỉ đạo làm rõ nguyên nhân, điều kiện phát sinh tham nhũng, tiêu cực; những sơ hở, bất cập trong cơ chế, chính sách, pháp luật để kiến nghị, yêu cầu khắc phục, hoàn thiện. (5) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, tổ chức đảng và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, thanh tra, xử lý các vụ việc, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án các vụ án tham nhũng, tiêu cực. (6) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc xử lý khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực. (7) Chỉ đạo tuyên truyền, định hướng cung cấp thông tin và xử lý vi phạm trong công tác thông tin, tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (8) Tổ chức sơ kết, tổng kết, định kỳ và đột xuất báo cáo ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương về tình hình, kết quả công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu

cực và kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh. (9) Thực hiện các nhiệm vụ khác do ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực giao.

**3. Quyền hạn:** Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền: (1) Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; về xử lý một số vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. (2) Lãnh đạo, chỉ đạo việc kiểm tra, thanh tra, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc. (3) Yêu cầu các cơ quan chức năng kết luận, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực. Trực tiếp chỉ đạo về chủ trương xử lý đối với một số vụ án, vụ việc cụ thể. (4) Xử lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc có hành vi cản trở, gây khó khăn đối với hoạt động phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. (5) Nếu phát hiện vi phạm liên quan đến cán bộ thuộc diện cấp uỷ các cấp quản lý thì phải kịp thời báo cáo cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh để chỉ đạo xử lý hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương; nếu phát hiện sai phạm có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cơ quan điều tra để xử lý theo thẩm quyền, không chờ đến khi kết thúc mới chuyển. (6) Được sử dụng bộ máy tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức và phương tiện của các cơ quan, tổ chức có liên quan để phục vụ nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

#### **4. Tổ chức bộ máy**

- Việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực không làm phát sinh bộ máy, nhân sự và không trùng lặp với chức năng của các cơ quan như Ban Nội Chính, Ủy Ban Kiểm tra...

- Trưởng ban là đồng chí Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ. Các Phó Trưởng ban gồm: (1) Phó Bí thư thường trực tỉnh uỷ, thành uỷ; (2) Trưởng Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ; (3) Trưởng Ban Tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ; (4) Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ; (5) Giám đốc Công an tỉnh, thành phố. Trưởng Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ là Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo.

- Các Ủy viên là lãnh đạo các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh, thành phố, gồm: (1) Trưởng Ban Tuyên giáo; (2) Chánh Văn phòng tỉnh uỷ, thành uỷ; (3) Chánh án Tòa án nhân dân; (4) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân; (5) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh; (6) Giám đốc Sở Tư pháp; (7) Chánh Thanh tra; (8) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (9) Phó Trưởng Ban Nội chính. *(Đà Nẵng có đề xuất bổ sung thêm đồng chí Cục Trưởng Cục Thi hành án dân sự thành phố).*

- Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, gồm: Trưởng ban và các Phó Trưởng ban. Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ làm nhiệm vụ Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh.

**5. Chế độ làm việc:** Ban Chỉ đạo cấp tỉnh làm việc theo chương trình hằng năm, họp thường kỳ 6 tháng một lần hoặc đột xuất khi cần. Thường trực Ban Chỉ đạo cấp tỉnh họp thường kỳ 3 tháng một lần, họp đột xuất khi cần.

**6. Quan hệ công tác:** Ban Chỉ đạo cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo Trung ương; chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Sau Hội nghị Trung ương 5, Ban Thường vụ Thành ủy đã giao cho Ban Nội chính Thành ủy khẩn trương tham mưu việc thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thành phố Đà Nẵng.

## **VII. TOÀN VĂN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIII**

Ngày 10/5/2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW về Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII họp từ ngày 04/5 đến ngày 10/5/2022 tại Thủ đô Hà Nội, sau khi xem xét và thảo luận các tờ trình, đề án, báo cáo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã Quyết nghị những nội dung sau:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua nội dung cơ bản các văn kiện sau đây:

- Nghị quyết về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất; tạo động lực đưa đất nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”.

- Nghị quyết về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Nghị quyết về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới.

- Nghị quyết về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để hoàn chỉnh các nghị quyết nêu trên và chỉ đạo việc ban hành, tổ chức thực hiện.

2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng tán thành Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư năm 2021 gắn với thực hiện Kết luận Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đánh giá cao công tác chuẩn bị, quá trình tiến hành và kết quả kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí

thư; việc kiểm điểm được tiến hành nghiêm túc, đúng nguyên tắc, bài bản, đạt yêu cầu đề ra.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất cao Đề án của Bộ Chính trị thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến thảo luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Báo cáo tiếp thu, giải trình của Bộ Chính trị để hoàn chỉnh Đề án và chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Giao Ban Bí thư ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; chỉ đạo ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy sớm ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua các báo cáo của Bộ Chính trị về những công việc quan trọng Bộ Chính trị đã giải quyết từ sau Hội nghị lần thứ tư đến Hội nghị lần thứ năm và một số nhiệm vụ trọng tâm từ Hội nghị lần thứ năm đến Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; về kết quả công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2022.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nghe báo cáo chuyên đề về: “Xung đột Nga - U-crai-na: Tác động quốc tế và những vấn đề đặt ra”.

6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết, thống nhất, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề ra.

*Thưa toàn thể các đồng chí, trên đây là kết quả và những nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 5 khóa XIII, xin thông tin đến các đồng chí được biết và chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo tuyên truyền về nội dung Nghị quyết Trung ương 5 khóa XIII.*

-----

linhltb-23/05/2022 10:06:30-linhltb-linhltb-linhltb